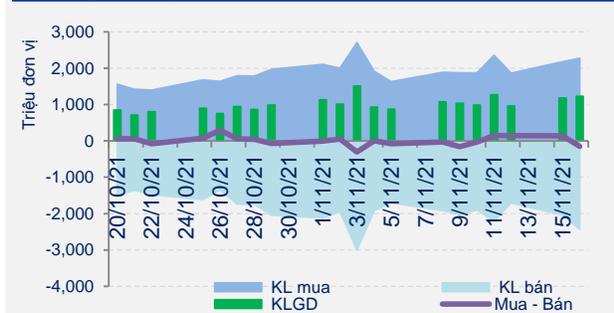


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 16/11/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,466.45	452.25
% Thay đổi	↓ -0.69%	↑ 1.79%
KLGD (CP)	1,223,561,119	193,724,163
GTGD (tỷ đồng)	34,805.17	4,618.81
Tổng cung (CP)	2,425,903,000	259,672,800
Tổng cầu (CP)	2,273,520,200	238,555,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	44,517,700	1,475,647
KL mua (CP)	47,023,400	1,445,626
GT mua (tỷ đồng)	1,989.42	35.43
GT bán (tỷ đồng)	1,778.50	27.28
GT ròng (tỷ đồng)	210.92	8.16

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.49%	24.6	3.8	1.9%
Công nghiệp	↑ 0.37%	24.4	3.2	15.6%
Dầu khí	↓ -1.25%	20.6	2.2	1.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.28%	-	6.3	3.0%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.33%	18.1	2.6	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.76%	23.6	4.2	10.0%
Ngân hàng	↓ -0.37%	11.6	2.3	11.2%
Nguyên vật liệu	↓ -2.09%	12.3	2.8	16.1%
Tài chính	↓ -0.30%	20.2	3.4	37.2%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.15%	17.7	3.0	2.5%
VN - Index	↓ -0.69%	17.5	3.0	
HNX - Index	↑ 1.79%	24.9	4.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh trong phiên hôm nay với thanh khoản tiếp tục ở mức cao. Cụ thể, VN-Index giảm 10,12 điểm (-0,69%) xuống 1.466,45 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 191 mã tăng, 40 mã tham chiếu, 307 mã giảm. HNX-Index tăng 7,97 điểm (+1,79%) lên 452,25 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là trung tính với 132 mã tăng, 29 mã tham chiếu, 162 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn xấp xỉ so với trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.349 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 36.352 tỷ đồng. Các cổ phiếu bất động sản, xây dựng chịu áp lực chốt lời khiến nhiều mã giảm mạnh, thậm chí giảm sàn như LDG (-6,8%), HU3 (-6,6%)... Nhóm FLC (-2,7%) cũng bị bán mạnh và HAI (-6,9%), KLF (-9%), AMD (-7%) đóng cửa giảm sàn. Ngược lại, HBC (+6,8%), LGL (+6,8%), CEO (+9,6%), QCG (+6,8%)... tăng trần trong phiên hôm nay. Nhóm chứng khoán cũng chịu áp lực chốt lời khiến nhiều mã giảm như SSI (-2,3%), VND (-1%), VIX (-2,3%), FTS (-3,3%), VCI (-1,9%), BVS (-1,7%), BSI (-2,1%), HCM (-1,3%)... Nhóm ngân hàng giao dịch khá tích cực trong phiên sáng nhưng đến phiên chiều cũng suy yếu, chỉ còn MBB (+0,2%), STB (+0,4%), LPB (+1,3%) là tăng. Các cổ phiếu thép cũng chịu áp lực bán mạnh với hàng loạt mã giảm sâu như HPG (-3%), HSG (-1,4%), NKG (1,6%), POM (-0,6%), VGS (-2,9%), TVN (-1,5%), TLH (-1,3%)... Ở chiều ngược lại, nhóm bảo hiểm có phiên giao dịch khởi sắc với các cổ phiếu như BVH (+3%), PVI (+2%), MIG (+3,2%), PGI (+0,2%), BMI (+5,4%) đều đóng cửa trong sắc xanh.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Áp lực bán gia tăng trong phiên hôm nay khiến chỉ số VN-Index (-0,69%) điều chỉnh. Thanh khoản trong phiên hôm nay tiếp tục ở mức trên trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán là tương đối mạnh. Tuy nhiên, lực cầu cũng đã xuất hiện giúp thị trường tránh một phiên giảm sâu. Trên góc nhìn kỹ thuật, tuy giảm trong phiên hôm nay nhưng VN-Index vẫn kết phiên trên ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm nên khả năng tiếp tục đi lên để hướng đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm là vẫn còn. Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì thị trường có thể cần test lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 17/11, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm và đã mua thêm trong phiên 11/11 khi thị trường test hỗ trợ 1.450 điểm có thể tiếp tục mua thêm nếu có những nhịp test lại hỗ trợ kể trên.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 16/11/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc đỏ trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.459,08 điểm. Nhưng cũng có thời điểm, chỉ số tăng nhẹ lên sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 1.476,97 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 10,12 điểm (-0,69%) xuống 1.466,45 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: HPG giảm 1.600 đồng, GVR giảm 1.150 đồng, VHM giảm 1.000 đồng. Ở chiều ngược lại, BVH tăng 1.900 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm trong phiên giao dịch sách, với mức thấp nhất trong phiên tại 439,16 điểm. Nhưng từ cuối phiên sáng trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 453,96 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 7,97 điểm (+1,79%) lên 452,25 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD tăng 22.700 đồng, VC3 tăng 4.800 đồng, CEO tăng 2.100 đồng. Ở chiều ngược lại, KSF giảm 4.600 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 208,38 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 2,4 triệu đơn vị. FUEVFNVD là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 262,7 tỷ đồng tương ứng với 9,4 triệu chứng chỉ quỹ, tiếp theo là MSN với 116,3 tỷ đồng tương ứng với 761 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NLG là mã bị bán ròng nhiều nhất với 104,4 tỷ đồng tương ứng với 1,6 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 8,24 tỷ đồng. BCC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 9,8 tỷ đồng tương ứng với 355 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 8,7 tỷ đồng tương ứng với 296 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 10,3 tỷ đồng tương ứng với 439 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

IHS Markit lạc quan về khả năng phục hồi kinh tế của Việt Nam

Công ty nghiên cứu thị trường IHS Markit của Anh nhận định, một số động lực tăng trưởng tích cực đang tạo ra những luồng gió thuận lợi thúc đẩy triển vọng kinh tế trung hạn của Việt Nam.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index điều chỉnh trong phiên hôm nay với mức giảm vừa phải (-0,69%) và khối lượng khớp lệnh tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra trong phiên hôm nay là tương đối mạnh. Kết hợp với mẫu hình nền thì có thể thấy là lực cầu cũng đã xuất hiện để hỗ trợ thị trường tránh một phiên giảm sâu.

Chỉ số VN-Index đã chính thức đóng cửa trên vùng đỉnh cũ trong tháng 7/2021 đồng thời cũng là đỉnh sóng tăng 5 trong khoảng 1.420-1.425 điểm theo lý thuyết Elliot trên biểu đồ ngày bắt đầu từ thời điểm tạo đáy quanh 650 điểm vào cuối tháng 3 đầu tháng 4 năm 2020.

Do đó chúng ta sẽ chuyển sang phân tích sóng Elliot trên biểu đồ tuần với sóng 1 bắt đầu vào đầu năm 2009 ở quanh ngưỡng 240 điểm.

Với góc nhìn xa hơn trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.540 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với phiên giảm với thanh khoản khá lớn trong phiên hôm nay thì có thể thấy bên bán đang có những động thái chốt lời quyết liệt hơn khiến cho thị trường xảy ra những rung lắc. Tuy nhiên, với việc chỉ số VN-Index vẫn kết phiên trên ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm nên xu hướng tăng vẫn chưa hề có sự thay đổi và khả năng để thị trường tiếp tục hướng đến những ngưỡng cao hơn trong thời gian tới là vẫn còn.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì VN-Index có thể sẽ lùi về ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 17/11, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 60,75 - 61,65 triệu đồng/lượng, tăng 900.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 3 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 16/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.107 VND/USD, tăng 3 đồng so với hôm qua.

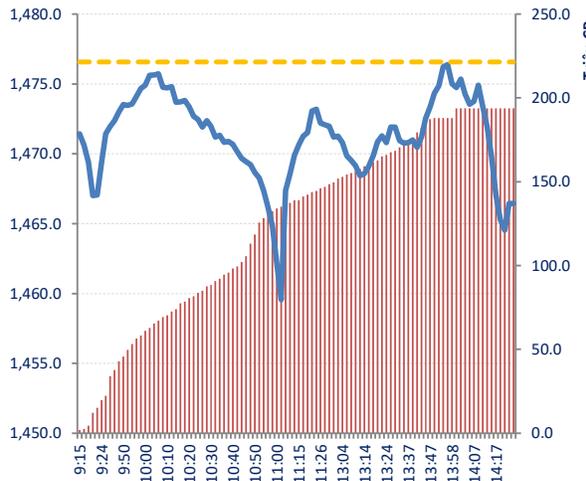
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 9,5 USD/ounce tương ứng với 0,51% lên 1.876,1 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,093 điểm tương ứng 0,1% lên 95,498 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1367 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3464 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 114,15 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,31 USD/thùng tương ứng với 0,39% lên 80,06 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 15/11, Dow Jones giảm 12,86 điểm tương đương 0,04% xuống 36.087,45 điểm. Nasdaq giảm 7,11 điểm tương đương 0,04% xuống 15.853,85 điểm. Nasdaq Composite giảm 0,05 điểm tương đương 0,00% xuống 4.682,8 điểm.

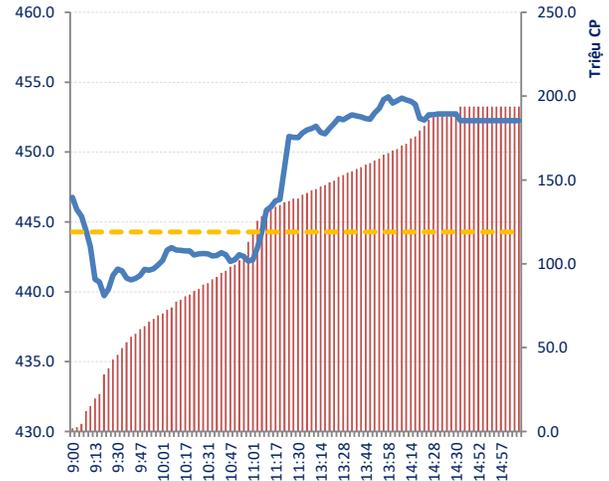


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

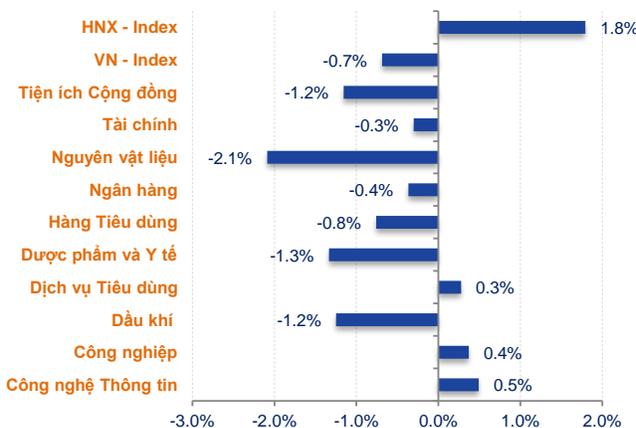
KLGD và VN-Index trong phiên



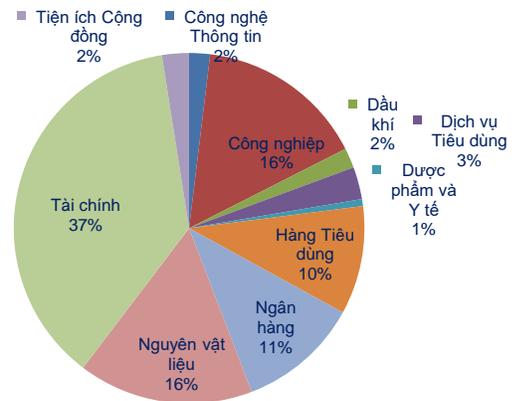
KLGD và HNX-Index trong phiên



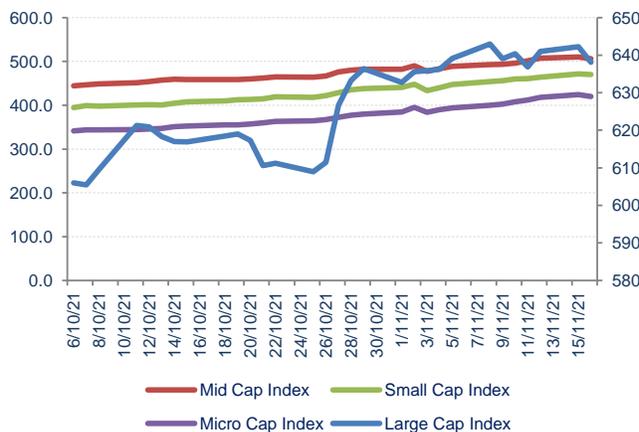
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



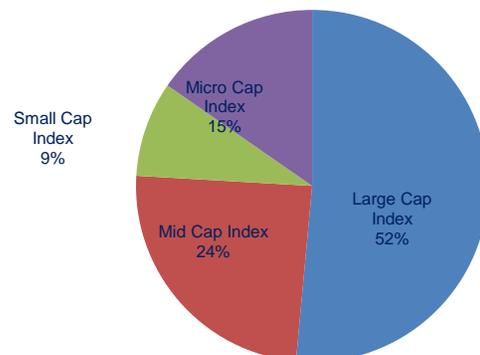
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUEVFNVD	9,363,500	HDB	2,868,800
2	DXG	3,141,300	STB	1,905,400
3	KBC	1,793,700	NLG	1,624,300
4	MSN	761,300	GEX	1,242,900
5	TDM	577,500	ROS	949,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	BCC	355,000	KLF	474,400
2	PVS	295,900	CEO	439,100
3	OCH	76,700	NSH	75,900
4	DST	59,000	CIA	23,500
5	PVL	57,200	IVS	20,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HQC	6.23	6.00	↓ -3.69%	42,168,300
HPG	53.60	52.00	↓ -2.99%	40,977,000
FLC	14.85	14.45	↓ -2.69%	36,676,600
HAG	8.15	8.28	↑ 1.60%	36,387,300
ROS	7.14	7.10	↓ -0.56%	33,916,500

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
CEO	21.80	23.90	↑ 9.63%	19,569,277
KLF	6.70	6.10	↓ -8.96%	18,984,451
ART	12.80	12.50	↓ -2.34%	8,845,950
PVS	29.20	29.00	↓ -0.68%	7,945,861
SHS	47.90	47.90	→ 0.00%	7,008,798

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXI	5.43	5.81	0.38	↑ 7.00%
TVS	42.95	45.95	3.00	↑ 6.98%
PIT	8.16	8.73	0.57	↑ 6.99%
TNT	14.35	15.35	1.00	↑ 6.97%
TNI	7.61	8.14	0.53	↑ 6.96%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DTC	11.30	14.60	3.30	↑ 29.20%
SAF	57.00	62.70	5.70	↑ 10.00%
THD	227.00	249.70	22.70	↑ 10.00%
MCO	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
VTH	16.10	17.70	1.60	↑ 9.94%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PME	79.10	73.60	-5.50	↓ -6.95%
AMD	7.05	6.56	-0.49	↓ -6.95%
VFG	52.00	48.40	-3.60	↓ -6.92%
HAI	7.85	7.31	-0.54	↓ -6.88%
QBS	6.27	5.84	-0.43	↓ -6.86%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KVC	7.20	6.50	-0.70	↓ -9.72%
VNT	86.70	78.30	-8.40	↓ -9.69%
VLA	24.50	22.20	-2.30	↓ -9.39%
VE1	8.60	7.80	-0.80	↓ -9.30%
BST	18.30	16.60	-1.70	↓ -9.29%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	174.13	29.1%	7,717	20.3	5.2
HPG	137.38	44.7%	7,085	7.3	2.8
SAM	98.89	2.5%	325	73.4	1.9
NLG	91.96	13.6%	4,688	13.6	1.7
HDB	91.84	20.7%	2,813	9.9	1.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	-130.99	6.0%	1,554	33.5	2.0
DXG	-123.64	7.5%	1,406	18.8	1.2
MSN	-60.36	8.4%	2,032	74.8	5.5
VHM	-57.50	38.3%	8,968	9.3	3.0
DBD	-50.96	15.9%	2,923	18.1	2.7

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HNG	3.91	0.7%	51	179.7	1.2
PAN	3.56	3.4%	1,009	36.7	1.2
APH	1.58	1.6%	456	95.0	1.3
SSI	1.38	16.5%	2,064	21.7	2.6
HT1	1.36	8.5%	1,233	22.5	1.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-9.28	13.1%	1,533	43.7	5.1
GEX	-8.72	8.6%	1,978	21.7	1.7
HPG	-3.58	44.7%	7,085	7.3	2.8
SZC	-3.15	20.9%	2,793	20.3	4.1
TCH	-3.05	5.6%	1,264	18.4	1.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DBD	40.86	15.9%	2,923	18.1	2.7
DXG	39.03	7.5%	1,406	18.8	1.2
KBC	35.79	6.0%	1,554	33.5	2.0
VHM	29.18	38.3%	8,968	9.3	3.0
TDC	25.57	11.8%	1,497	19.3	2.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	-280.48	N/A	N/A	N/A	N/A
DGC	-177.53	29.1%	7,717	20.3	5.2
SAM	-97.90	2.5%	325	73.4	1.9
HPG	-88.45	44.7%	7,085	7.3	2.8
EIB	-63.80	5.7%	792	35.6	2.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	266.05	N/A	N/A	N/A	N/A
MSN	115.62	8.4%	2,032	74.8	5.5
KBC	95.61	6.0%	1,554	33.5	2.0
DXG	85.18	7.5%	1,406	18.8	1.2
DGW	44.02	31.6%	4,739	26.5	7.6

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NLG	-103.82	13.6%	4,688	13.6	1.7
HDB	-81.19	20.7%	2,813	9.9	1.9
VIC	-70.61	2.9%	1,111	85.4	2.2
STB	-55.07	11.1%	1,864	15.0	1.6
HPG	-45.34	44.7%	7,085	7.3	2.8



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HQC	42,168,300	0.1%	9	678.8	0.7
HPG	40,977,000	3250.0%	7,085	7.3	2.8
FLC	36,676,600	13.1%	1,967	7.3	1.0
HAG	36,387,300	-18.4%	(1,220)	-	1.5
ROS	33,916,500	3.1%	324	21.9	0.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	19,569,277	-4.7%	(606)	-	1.9
KLF	18,984,451	0.1%	6	1,003.8	0.6
ART	8,845,950	0.3%	32	395.4	1.1
PVS	7,945,861	4.6%	1,238	23.4	1.1
SHS	7,008,798	25.5%	3,263	14.7	2.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXI	↑ 7.0%	-20.3%	(1,667)	-	0.8
TVS	↑ 7.0%	36.5%	4,858	9.5	2.9
PIT	↑ 7.0%	2.8%	244	35.7	1.1
TNT	↑ 7.0%	-1.0%	(105)	-	1.3
TNI	↑ 7.0%	0.1%	9	957.4	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DTC	↑ 29.2%	6.4%	675	21.6	1.4
SAF	↑ 10.0%	33.6%	5,115	12.3	4.1
THD	↑ 10.0%	25.2%	4,694	53.2	15.1
MCO	↑ 10.0%	0.3%	35	279.6	0.8
VTH	↑ 9.9%	4.9%	793	22.3	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UEVFN	9,363,500	N/A	N/A	N/A	N/A
DXG	3,141,300	7.5%	1,406	18.8	1.2
KBC	1,793,700	6.0%	1,554	33.5	2.0
MSN	761,300	8.4%	2,032	74.8	5.5
TDM	577,500	14.0%	2,463	16.2	2.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
BCC	355,000	7.5%	1,297	21.7	1.6
PVS	295,900	4.6%	1,238	23.4	1.1
OCH	76,700	-0.9%	(77)	-	1.3
DST	59,000	2.1%	211	33.1	0.7
PVL	57,200	9.9%	475	31.6	2.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	361,413	38.3%	8,968	9.3	3.0
VIC	360,734	2.9%	1,111	85.4	2.2
VCB	360,503	20.4%	5,696	17.1	3.3
HPG	232,592	44.7%	7,085	7.3	2.8
GAS	223,358	16.9%	4,384	26.6	4.4

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	87,395	25.2%	4,694	53.2	15.1
IDC	24,750	11.8%	1,805	45.7	5.3
KSF	21,660	8.8%	771	93.6	3.6
VCS	19,680	41.5%	11,163	11.0	4.2
BAB	17,021	8.6%	979	23.1	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	2.85	2.1%	292	87.3	1.8
FTS	2.69	22.7%	3,583	19.5	4.0
DIG	2.49	13.1%	1,533	43.7	5.1
SJF	2.49	0.5%	51	294.4	1.4
BSI	2.46	17.7%	2,241	20.9	3.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
APS	2.92	22.8%	1,802	27.6	4.4
PVL	2.86	9.9%	475	31.6	2.9
PSI	2.51	2.9%	300	70.3	2.0
L14	2.37	13.6%	1,987	140.9	17.0
BTS	2.36	-0.4%	(42)	-	1.2



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
